

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc

ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU PHÚ QUỐC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 23 tháng 4 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 08 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin;

Theo đề nghị của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các danh mục thông tin thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc, gồm:

1. Danh mục thông tin phải được công khai của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc (Phụ lục I).

2. Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc (Phụ lục II).

Điều 2. Hình thức, thời điểm công khai thông tin

Hình thức, thời điểm công khai thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26/8/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đặc khu tham mưu Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện cập nhật, công khai Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin được tiếp cận có điều kiện và trực tiếp tham mưu cho Ủy ban nhân dân đặc khu theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện cung cấp thông tin do Ủy ban nhân dân đặc khu tạo ra theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 337/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn; Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

dân đặc khu trong thực hiện việc cập nhật nhật, công khai, cung cấp thông tin theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 9394/QĐ-UBND ngày 23/6/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc công bố Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc. /

Nơi nhận

- Như Điều 4;
- TT. Đảng ủy đặc khu;
- TT. HĐND đặc khu;
- CT, các PCT UBND đặc khu;
- LĐVP, CVNC;
- Trang thông tin điện tử đặc khu;;
- Lưu VT, VP, nnthan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Lê Quốc Toàn



PHỤ LỤC I

DANH MỤC THÔNG TIN PHẢI ĐƯỢC CÔNG KHAI CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU PHÚ QUỐC

(kèm theo Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 21. tháng 10. năm 2026
của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc)

Số TT	NỘI DUNG DANH MỤC
1	Chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thuộc thẩm quyền; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của UBND đặc khu; báo cáo công tác định kỳ; thông tin thống kê thuộc lĩnh vực quản lý.
2	Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung do cơ quan có thẩm quyền ban hành; điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi phải công khai; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc.
3	Hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định; nội dung lấy ý kiến Nhân dân, kết quả tiếp thu, giải trình; đề án, dự thảo đề án về thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính thuộc phạm vi trách nhiệm.
4	Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách thuộc phạm vi quản lý; các quy định, chính sách có liên quan trực tiếp đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp.
5	Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của UBND đặc khu, các cơ quan chuyên môn và đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết công việc của người dân; nội quy, quy chế; kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác; định mức, tiêu chuẩn, chế độ và kết quả thực hiện.
6	Dự toán, tình hình thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách đặc khu theo quy định; báo cáo tài chính năm; ngân sách của đơn vị dự toán, tổ chức được ngân sách hỗ trợ; các khoản hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách cho người dân; thủ tục ngân sách; thông tin về thuế, phí, lệ phí thuộc phạm vi công khai.
7	Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, viện trợ phi chính phủ; các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; việc quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân và các loại quỹ theo quy định.
8	Thông tin về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp; thông tin về tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi trách nhiệm của đặc khu.
9	Thông tin về tài sản công; bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công; danh mục chương trình, dự án đầu tư công, mua sắm công; kế hoạch và kết quả thực hiện dự án; thông tin dự án đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi phải công khai; kết quả lựa



	chọn nhà thầu và lý do nhà thầu không trúng thầu khi thuộc trường hợp phải cung cấp, công khai.
10	Kết luận thanh tra; báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng; báo cáo kiểm toán, kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán; chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo kết quả và thông tin xử lý hành vi gây lãng phí theo quy định.
11	Thông tin xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dược, lao động, xây dựng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, môi trường, thuế, sở hữu trí tuệ, đo lường, hàng giả và các lĩnh vực khác thuộc diện phải công khai khi gây hậu quả lớn hoặc ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội; thông tin về chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.
12	Thông tin về quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chi tiết ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt trong phạm vi được giao quản lý, công khai.
13	Kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thông tin thu hồi đất; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; kết quả điều tra, đánh giá đất đai; quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc; mốc giới sử dụng đất trong hành lang bảo vệ an toàn theo quy định.
14	Danh mục dự án nhà ở thuộc diện phải công khai; chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; kết luận kiểm định, đánh giá chất lượng chung cư; kế hoạch cải tạo, xây dựng lại chung cư; quyết định di dời, thu hồi, cưỡng chế bàn giao nhà ở thuộc trường hợp pháp luật quy định.
15	Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe; kết luận kiểm tra, giám sát về sức khỏe cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động; danh sách cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cấp phép, người hành nghề, thời gian làm việc, giá dịch vụ, kết quả đánh giá chất lượng và cơ sở vi phạm thuộc diện phải công khai.
16	Thông tin chung về cơ sở giáo dục; thu, chi tài chính; điều kiện bảo đảm chất lượng; kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; thông tin giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thuộc phạm vi trách nhiệm và quy định pháp luật.
17	Thông tin về chất lượng, ô nhiễm môi trường; kế hoạch ứng phó sự cố môi trường; sự cố môi trường; nguồn thải vào nước mặt, nguồn có nguy cơ gây sự cố; báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường; thông tin về di sản thiên nhiên, hệ sinh thái, loài sinh vật, nguồn gen, khu bảo tồn và kết quả quan trắc môi trường thuộc phạm vi phải công khai.
18	Danh mục di sản văn hóa, di tích; nội dung bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã được phê duyệt, công bố tại địa phương nơi có di tích.

19	Thông tin thị trường lao động theo quy định; thông tin tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; danh mục, kết quả chương trình, đề tài khoa học; danh mục hồ sơ, tài liệu lưu trữ thuộc phạm vi phải công khai.
20	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; quy trình, thời hạn xử lý và kết quả cung ứng dịch vụ; quy trình, thời hạn xử lý hồ sơ dịch vụ công trực tuyến; thông tin bảo đảm chất lượng, kết quả đánh giá mức độ phổ cập và khả năng tiếp cận dịch vụ công trực tuyến theo quy định.
21	Kế hoạch chuyển đổi số được phê duyệt; thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nền tảng số dùng chung; kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số thuộc phạm vi phải công khai.
22	Danh mục thông tin phải được công khai theo quy định; tên, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của cơ quan, đơn vị đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin; địa chỉ các kênh công khai, cung cấp thông tin theo yêu cầu
23	Các thông tin khác thuộc diện phải công khai theo quy định của pháp luật chuyên ngành và các văn bản có liên quan.
24	Các thông tin khác do UBND đặc khu, cơ quan, đơn vị tạo ra hoặc nắm giữ mà xét thấy cần công khai để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe cộng đồng, phù hợp điều kiện thực tế và không thuộc thông tin không được tiếp cận hoặc thông tin tiếp cận có điều kiện theo quy định pháp luật.





PHỤ LỤC II
DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG DÂN ĐƯỢC TIẾP CẬN CÓ ĐIỀU KIỆN
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU PHÚ QUỐC
(kèm theo Quyết định số 1.823/QĐ-UBND ngày 11. tháng 10. năm 2026
của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc)

Số TT	Nội dung danh mục	Điều kiện tiếp cận
1	Thông tin có nội liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân	Có sự đồng ý của người có thông tin
2	Thông tin có nội dung liên quan đến dữ liệu cá nhân	Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân
3	Thông tin có nội dung thuộc bí mật gia đình	Có sự đồng ý của các thành viên gia đình theo quy định pháp luật
4	Thông tin có nội dung liên quan bí mật kinh doanh	Có sự đồng ý của chủ sở hữu bí mật kinh doanh
5	Thông tin tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử	Thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ
6	Thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị đang trực tiếp quản lý quyết định